

## MỤC LỤC

<b>A. Sự cần thiết phải ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 115/2006/NĐ-CP.....</b>	<b>4</b>
<b>I. Sự thay đổi về cơ cấu tổ chức của Chính phủ và thay đổi về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của một số bộ, ngành.....</b>	<b>4</b>
<b>II. Thực trạng tổ chức thanh tra chuyên ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin: .....</b>	<b>4</b>
<b>B. Chức năng, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn và hoạt động của Thanh tra Thông tin và Truyền thông.....</b>	<b>5</b>
<b>I. Chức năng , cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn của Thanh tra Thông tin và Truyền thông .....</b>	<b>5</b>
<b>1. Chức năng Thanh tra Thông tin và Truyền thông .....</b>	<b>5</b>
<b>2. Tổ chức của Thanh tra Thông tin và Truyền thông .....</b>	<b>5</b>
<b>3. Nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan thanh tra Thông tin và Truyền thông .....</b>	<b>7</b>
<b>II. Hoạt động của Thanh tra Thông tin và Truyền thông.....</b>	<b>9</b>
<b>1. Mục đích, nguyên tắc hoạt động của Thanh tra Thông tin và Truyền thông .....</b>	<b>9</b>
<b>2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Thông tin và Truyền thông .....</b>	<b>13</b>
<b>III. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước và mối quan hệ phối hợp trong hoạt động thanh tra Thông tin và Truyền thông.....</b>	<b>22</b>
<b>1. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước .....</b>	<b>22</b>
<b>2. Mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan thanh tra TT&amp;TT với cơ quan, tổ chức hữu quan .....</b>	<b>22</b>
<b>3. Mối quan hệ giữa Thanh tra Bộ với Thanh tra Sở .....</b>	<b>23</b>
<b>4. Mối quan hệ giữa Thanh tra Cục với Thanh tra Sở .....</b>	<b>23</b>
<b>VI. Trang phục Thanh tra Thông tin và Truyền thông, trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra .....</b>	<b>24</b>
<b>1. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.....</b>	<b>24</b>
<b>2. Trang phục.....</b>	<b>24</b>
<b>3. Trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra.....</b>	<b>25</b>
<b>4. Chế độ sử dụng trang phục và trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra.....</b>	<b>26</b>

<b>5. Nguồn kinh phí, quy trình lập dự toán kinh phí, việc quản lý và quyết toán kinh phí may sắm trang phục, trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra.....</b>	<b>26</b>
<b>C. Một số khái niệm cơ bản về nghiệp vụ thanh tra.....</b>	<b>27</b>
<b>1. Phân biệt giữa thanh tra và kiểm tra:.....</b>	<b>27</b>
<b>2. Phân biệt giữa thanh tra với điều tra: .....</b>	<b>28</b>
<b>3. Phân biệt giữa thanh tra và giám sát:.....</b>	<b>29</b>
<b>D. Quy chế lập, quản lý hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo.....</b>	<b>29</b>

## **NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG THANH TRA VÀ NGHIỆP VỤ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**Ngọc Hoan - Thanh tra Bộ TTTT**

Những năm qua, cùng với quá trình cải cách kinh tế, việc nghiên cứu cải cách bộ máy nhà nước và từng bước đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị đã được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm. Các Nghị quyết Hội nghị TW 2, TW 8 (khoá VII), Hội nghị TW 3, TW 7 (khoá VIII) đã quyết định những chủ trương, biện pháp lớn nhằm xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Một trong những chủ trương, biện pháp đó là việc hoàn thiện các cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát, coi đó là công cụ quan trọng để tăng cường hiệu lực của bộ máy nhà nước, thiết lập trật tự kỷ cương, phát huy dân chủ.

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, các hoạt động thanh tra, kiểm tra, đã có những chuyển biến tích cực và đạt được những thành tích nhất định, thay vì quản lý mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội bằng các chỉ tiêu, kế hoạch hoá, tập trung trước đây, chúng ta đã quản lý bằng các cơ chế, chính sách. Việc này đòi hỏi phải tăng cường mạnh mẽ hoạt động thanh tra, kiểm tra, để đảm bảo sự tuân thủ pháp luật, giữ gìn kỷ cương trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội, khắc phục các nguy cơ, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, cùng với việc hoàn thiện cơ chế thanh tra, kiểm tra là yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra.

Thanh tra chuyên ngành là một công cụ không thể thiếu phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các ngành, lĩnh vực. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của đất nước, hoạt động quản lý nhà nước ngày càng trở nên đa dạng, phức tạp hơn, mỗi ngành, mỗi lĩnh vực có những đặc thù riêng nên tất yếu phải phát triển mạnh hoạt động của các tổ chức thanh tra chuyên ngành. Đặc điểm của thanh tra chuyên ngành là chủ yếu tập trung vào việc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quy trình, quy phạm liên quan đến chuyên môn, kỹ thuật, kịp thời phát hiện và xử phạt đối với hành vi vi phạm của các đối tượng bị quản lý của ngành, lĩnh vực góp phần phòng chống vi phạm pháp luật, tăng cường trật tự, kỷ cương quản lý.

Thanh tra chuyên ngành là công cụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, có vai trò quan trọng giúp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền riêng quản lý chặt chẽ các đối tượng bị quản lý, kịp thời phát hiện các sai phạm, có biện pháp xử lý, khắc phục hữu hiệu. Thanh tra chuyên ngành còn giúp phát hiện những chông chéo, bất hợp lý trong quản lý giữa các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ... Với vai trò quan trọng như vậy nên việc phát triển mạnh các hoạt động của các tổ chức thanh tra chuyên ngành là một yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Đối với Thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông cũng cần phải được đổi mới theo quan điểm chủ trương của Đảng và cần phải phát triển mạnh về tổ chức thanh tra, thực hiện thể chế và thanh tra về từng lĩnh vực trong toàn xã hội một cách sâu rộng. Tổ chức thanh tra phải tinh gọn, có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng, có thẩm quyền xử phạt hành chính và giải quyết khiếu nại tố cáo theo đúng qui định của pháp luật

Để hiểu rõ về cơ cấu tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thanh tra Thông tin và Truyền thông, chuyên đề này sẽ trình bày một số vấn đề cơ bản về tổ chức, hoạt động thanh tra và nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông như sau:

## **A. Sự cần thiết phải ban hành Nghị định mới thay thế Nghị định số 115/2006/NĐ-CP**

### **I. Sự thay đổi về cơ cấu tổ chức của Chính phủ và thay đổi về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của một số bộ, ngành**

Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá XII, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 01/2007/QH12 ngày 31/7/2007 về quy định cơ cấu tổ chức của Chính phủ và số Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ khoá XII. Trong Nghị quyết số 01/2007/QH12 của Quốc hội, Bộ Bưu chính Viễn thông là một trong những bộ mới là Bộ Thông tin và Truyền thông. Thực hiện Nghị quyết trên, ngày 25 tháng 12 năm 2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 187/2007/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông. Theo đó, chức năng quản lý nhà nước của Bộ đã được bổ sung thêm một số lĩnh vực như báo chí, xuất bản.

### **II. Thực trạng tổ chức thanh tra chuyên ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin:**

Nghị định số 115/2006/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin mới được Chính phủ ban hành ngày 04/10/2006. Theo Nghị định 115/2006/NĐ-CP, hệ thống thanh tra chuyên ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin được tổ chức ở Trung ương có Thanh tra Bộ, Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện và Thanh tra Cục Quản lý Chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin; ở địa phương có thanh tra của 64 Sở Bưu chính, Viễn thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Gần hai năm triển khai thực hiện Nghị định, hệ thống thanh tra chuyên ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin đã hoạt động rất hiệu quả đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước của Bộ Bưu chính, Viễn thông. Tuy nhiên, tổ chức, hoạt động của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin theo Nghị định 115/2006/NĐ-CP sẽ nảy sinh những hạn chế, bất cập khi thành lập Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

- Nghị định 115/2006/NĐ-CP xây dựng trước khi có Nghị quyết số 01/2007/QH12 của Quốc hội và trước khi có Nghị định 187/2007/NĐ-CP nên cơ cấu tổ chức và hoạt động của tổ chức thanh tra Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin không còn phù hợp với tổ chức bộ máy mới của Chính phủ.

- Theo Nghị định 115/2006/NĐ-CP thì nhiệm vụ của hệ thống thanh tra Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin không có chức năng thanh tra về lĩnh vực báo chí và xuất bản... v.v. Do trước đây chức năng quản lý nhà nước về báo chí và xuất bản đều thuộc Bộ Văn hoá Thông tin quản lý. Hiện nay, khi tiếp nhận lĩnh vực báo chí và xuất bản về Bộ Thông tin và Truyền thông thì chức năng quản lý phải được điều chỉnh và quy định cụ thể. Do đó, để tổ chức thanh tra đồng bộ với chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ mới, Chính phủ cần thiết phải xây dựng, ban hành một Nghị định mới về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thông tin và Truyền thông thay thế Nghị định 115/2006/NĐ-CP.

## **B. Chức năng, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn và hoạt động của Thanh tra Thông tin và Truyền thông**

### **I. Chức năng, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn của Thanh tra Thông tin và Truyền thông**

#### **1. Chức năng Thanh tra Thông tin và Truyền thông**

Thanh tra Thông tin và Truyền thông là cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực, thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát; viễn thông và internet; truyền dẫn phát sóng; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử; phát thanh và truyền hình và cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông quốc gia; các dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

#### **2. Tổ chức của Thanh tra Thông tin và Truyền thông**

Điều 4 của Nghị định về tổ chức và hoạt động thanh tra thông tin và Truyền thông đã quy định

“1. Tổ chức Thanh tra Thông tin và Truyền thông bao gồm:

- a) Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông
- b) Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện; Thanh tra Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông
- c) Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

2. Các cơ quan thanh tra quy định tại khoản 1 Điều này có con dấu và tài khoản riêng.”

##### *2.1. Thanh tra Bộ*

Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông theo điều 5 Nghị định về tổ chức và hoạt động thanh tra là cơ quan của Bộ Thông tin và Truyền thông, chịu sự chỉ đạo, lãnh đạo trực tiếp của Bộ trưởng, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông, chỉ đạo toàn bộ hoạt động công tác thanh tra của hệ thống thanh tra thông tin và truyền thông.

Cơ cấu tổ chức của Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông theo Điều 3 Quyết định số 14/2008/QĐ-BTTTT ngày 02/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bao gồm:

- Phòng Tổng hợp;
- Phòng Thanh tra Bưu chính và Chuyển phát;
- Phòng Thanh tra Viễn thông và Công nghệ thông tin;
- Phòng Thanh tra Báo chí và Xuất bản;
- Phòng Thanh tra Hành chính và Xử lý khiếu tố.

Hiện Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, 03 Phó Chánh Thanh tra và 26 Thanh tra viên và chuyên viên làm công tác thanh tra.

## *2.2. Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện*

Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện là cơ quan trực thuộc Cục Tần số vô tuyến điện, giúp Cục trưởng thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tần số vô tuyến điện, tương thích điện từ và quỹ đạo vệ tinh trong phạm vi quản lý của Cục.

Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện có Chánh thanh tra, Phó Chánh thanh tra và thanh tra viên. Thanh tra viên được bố trí tại tất cả các Trung tâm kiểm soát tần số khu vực. Đây là lực lượng cần có sự phối hợp thường xuyên với thanh tra các Sở Thông tin và Truyền thông

## *2.3. Thanh tra Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông*

Thanh tra Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông là cơ quan trực thuộc Cục Quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông, giúp Cục trưởng thực hiện chức năng thanh tra nhà nước và thanh tra chuyên ngành về chất lượng đối với dịch vụ bưu chính và chuyển phát; dịch vụ viễn thông và Internet; công trình kỹ thuật chuyên ngành; công nghệ thông tin; sản phẩm, hàng hóa, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa và kết nối viễn thông trong phạm vi quản lý của Cục.

Thanh tra Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin có Chánh thanh tra, Phó Chánh thanh tra và thanh tra viên.

## *2.4. Thanh tra viên tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ không có tổ chức thanh tra*

Ngoài ra, tại một số đơn vị quản lý chuyên ngành thuộc Bộ tuy không có tổ chức thanh tra nhưng do yêu cầu cần thiết được bố trí các thanh tra viên chuyên ngành. Tùy theo nhu cầu mà mỗi đơn vị được bố trí từ 1-3 thanh tra viên. Những thanh tra viên này chịu sự quản lý hành chính của đơn vị mình, đồng thời chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Bộ và có nhiệm vụ quyền hạn theo qui định của Luật Thanh tra, Nghị định 41/2005/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thanh tra, Nghị định 100/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về thanh tra viên và công tác viên thanh tra, Thông tư hướng dẫn về tổ chức, hoạt động và mối quan hệ công tác của các tổ chức Thanh tra Thông tin và Truyền thông và được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề Thanh tra quy định tại Quyết định số 202/2005/QĐ-TTg ngày 09/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề đối với Thanh tra viên; được cấp thẻ thanh tra viên, trang phục thanh tra, phù hiệu, biển hiệu; được hưởng chế độ, chính sách và đảm bảo các điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra theo quy định của pháp luật đồng thời thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có thanh tra viên này cũng phải đảm bảo các chế độ và phương tiện làm việc để thanh tra viên hoàn thành nhiệm vụ.

## *2.5. Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông*

Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông theo qui định tại Điều 11 Nghị định về tổ chức và hoạt động Thanh tra Thông tin và Truyền thông là là cơ quan của Sở Thông tin và Truyền thông, có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở. Như vậy cũng như Thanh tra bộ, Thanh tra Sở thực hiện cả nhiệm vụ thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra Sở do Giám đốc Sở quyết định sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh.

Với vị trí là tổ chức thanh tra của cơ quan chuyên môn làm nhiệm vụ quản lý nhà nước và với nhiệm vụ quyền hạn về thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành cho nên “*Thanh tra sở chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc sở, đồng thời chịu sự hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra bộ*”. Điều này thể hiện nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ tại địa phương về công tác thanh tra.

### **3. Nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan thanh tra Thông tin và Truyền thông**

#### *3.1. Nhiệm vụ quyền hạn của Thanh tra Bộ .*

- Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Thanh tra việc thực hiện pháp luật chuyên ngành về báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyên phát; viễn thông và internet; truyền dẫn phát sóng; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử; phát thanh và truyền hình và cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông quốc gia; các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng giao.

- Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công tác thanh tra; hướng dẫn Thanh tra Cục, Thanh tra Sở xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông; kiến nghị cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ những quy định trái với pháp luật của Nhà nước được phát hiện qua công tác thanh tra.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Bộ.

- Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra viên, chuyên viên làm công tác thanh tra và cộng tác viên Thanh tra Thông tin và Truyền thông.

- Nghiên cứu khoa học, tổng kết kinh nghiệm, xây dựng, biên soạn tài liệu nghiệp vụ thanh tra trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Trưng tập cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia Đoàn thanh tra.

- Thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động thanh tra thông tin và truyền thông.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều 25 của Luật Thanh tra và các nhiệm vụ do Bộ trưởng giao.

### *3.2. Nhiệm vụ quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ*

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra đối với Thanh tra Bộ; chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Cục, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Sở.

- Kiến nghị Bộ trưởng xử lý việc chồng chéo, trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tham mưu, giúp Bộ trưởng phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết việc trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

- Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ khi có căn cứ cho rằng các quyết định đó trái pháp luật hoặc gây cản trở đến hoạt động thanh tra.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ.

- Hướng dẫn, đôn đốc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ thực hiện các quy định pháp luật về thanh tra; phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chỉ đạo hướng dẫn tổ chức, hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ quan, đơn vị đó.

- Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Báo cáo Bộ trưởng và Tổng Thanh tra về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều 26 của Luật Thanh tra.

### *3.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở*

- Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Thanh tra việc thực hiện pháp luật chuyên ngành về báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyển phát; viễn thông và internet; truyền dẫn phát sóng; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử; phát thanh và truyền hình; cơ sở hạ tầng thông tin truyền thông; quảng cáo trên các phương tiện báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm.

- Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.



- Kiến nghị cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ, hủy bỏ những quy định trái với văn bản pháp luật của Nhà nước được phát hiện qua công tác thanh tra.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra Sở.

- Yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều 28 của Luật Thanh tra; các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông và theo sự phân công của Giám đốc Sở

#### *3.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở*

- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra đối với Thanh tra Sở.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở.

- Hướng dẫn, đôn đốc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở trong việc thực hiện các quy định pháp luật về thanh tra; phối hợp với thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Sở chỉ đạo, hướng dẫn về tổ chức, hoạt động thanh tra nội bộ trong các cơ quan, đơn vị đó.

- Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Báo cáo Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra tỉnh và Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều 29 của Luật Thanh tra.

## **II. Hoạt động của Thanh tra Thông tin và Truyền thông**

### **1. Mục đích, nguyên tắc hoạt động của Thanh tra Thông tin và Truyền thông**

#### *1.1. Mục đích hoạt động của thanh tra*

Mục đích thanh tra được khẳng định tại Điều 3 của Luật Thanh tra như sau: “Hoạt động thanh tra nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; phát hiện những sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp khắc phục; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước; bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức cá nhân”.

+ Phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Đây là mục tiêu chủ yếu, trực tiếp của hoạt động thanh tra. Thanh tra là hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước nhằm đảm bảo cho các quyết định quản lý được chấp hành, bảo đảm mọi hoạt động của cơ quan tổ chức, cá nhân tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Chính tính chất thường xuyên của hoạt động thanh tra đã có tác

dụng phòng ngừa các vi phạm pháp luật. Phòng ngừa là một trong những mục đích quan trọng nhất của công tác thanh tra và điều này đã được chứng minh qua thực tiễn. Bởi vậy, chúng ta càng thấm thía câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“kiểm soát khéo bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa kiểm soát khéo về sau khuyết điểm nhất định sẽ bớt đi”* (Trích Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác thanh tra)

+ Phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật cũng là một mục tiêu quan trọng của hoạt động thanh tra. Hoạt động thanh tra là xem xét việc làm của các tổ chức, cá nhân trên cơ sở những quy định của pháp luật và tìm ra những việc làm vi phạm và những sai phạm để đánh giá tính chất, mức độ vi phạm, từ đó kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý những vi phạm đó. Thực tế hàng năm, các cuộc thanh tra đã phát hiện ra rất nhiều vi phạm, thu hồi một số lượng lớn tiền và tài sản bị thất thoát, tham nhũng. Trong tình hình mà sự vi phạm còn diễn ra phổ biến như hiện nay thì phát hiện vi phạm pháp luật để xử lý là một trong những nhiệm vụ quan trọng và là mục đích của hoạt động thanh tra.

+ Phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các biện pháp khắc phục. Hoạt động thanh tra không chỉ nhằm phát hiện và xử lý những vi phạm pháp luật, mà còn giúp cơ quan quản lý nhà nước đánh giá lại bản thân cơ chế, chính sách, các quy định của pháp luật, các quyết định quản lý của mình xem nó đã phù hợp với thực tiễn cuộc sống chưa, có khiếm khuyết, sơ hở gì dễ dẫn đến sự vi phạm để kịp thời sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục các sơ hở, khiếm khuyết đó. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhấn mạnh: *“Vị trí, tầm quan trọng, tác dụng của công tác thanh tra là ở chỗ nó phát hiện cho mình những cái mà mình cần biết, nó thường xuyên là tai mắt của mình, nó biết nhìn, biết thấy, biết phát hiện và biết chỉ cho mình những cái mà mình cần biết”* (Kỷ yếu nghiên cứu khoa học thanh tra 1992-2002, tr.79)

+ Phát huy nhân tố tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Nhân tố tích cực ở đây được hiểu là những việc làm hay, mạnh dạn thể hiện một tư duy mới, một cách suy nghĩ và hành động mới phù hợp với quan điểm và chủ trương cải cách, đổi mới toàn diện đất nước. Cơ chế chính sách là thước đo, chuẩn mực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, là luật chơi chung cho các hoạt động đó. Tuy nhiên cơ chế chính sách và pháp luật có những mặt hạn chế cố hữu của nó. Đó là sự lạc hậu so với thực tiễn của cuộc sống đang hàng ngày, hàng giờ vận động thay đổi và với rất nhiều hình thức phong phú, đa dạng mà không có luật pháp nào có thể tiên liệu hết được. Chính vì vậy, hoạt động thanh tra ngoài việc phòng ngừa và phát hiện để xử lý những hành vi vi phạm còn phát huy những nhân tố tích cực, những con người sáng tạo, những cách làm phù hợp để khuyến khích, động viên, giúp đỡ, tạo điều kiện tốt nhất để họ phát huy được khả năng của mình trong kinh doanh cũng như trong các lĩnh vực khác. Phát huy nhân tố tích cực còn được hiểu là từ thực tiễn như vậy, thanh tra có thể đề nghị nhà nước sửa đổi những quy định không phù hợp, những quy định gây khó khăn cho hoạt động của các tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ, đồng thời ban hành những quy định cởi mở hơn, kích thích năng lực, trí tuệ của toàn dân tham gia tích cực và hào hứng vào sự nghiệp đổi mới, làm giàu cho đất nước và cho chính bản thân mình.

## *1.2. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra Thông tin và Truyền thông*

Nguyên tắc thanh tra là những tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình hoạt động của các cơ quan thanh tra, nhất là trong quá trình tiến hành các cuộc thanh tra. Nguyên tắc này được quy định tại Điều 5 của Luật thanh tra và Điều 3 của Nghị định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Thông tin và Truyền thông như sau: “Hoạt động thanh tra phải tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai và dân chủ, kịp thời; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức và cá nhân là đối tượng thanh tra”.

\*) *Nguyên tắc hoạt động thanh tra phải tuân theo pháp luật* là khẳng định tính pháp chế, khẳng định việc tuân thủ pháp luật của hoạt động thanh tra. Hoạt động thanh tra không tách rời hoạt động quản lý và từ đó những nguyên tắc hoạt động thanh tra cũng không thể tách rời hay khác biệt những nguyên tắc của hoạt động quản lý. Mỗi quan tâm hàng đầu của hoạt động quản lý và cơ quan quản lý là vấn đề hiệu quả, hiệu quả theo nghĩa rộng của quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động quản lý vốn đa dạng và phức tạp với rất nhiều tình huống không thể dự kiến hết được. Mặt khác, khi đánh giá tính hiệu quả thì không phải cái gì có hiệu quả cũng đúng pháp luật, đặc biệt là các nhân tố mới trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế. Vì vậy hiệu quả của hoạt động quản lý cần được xem xét trên cả 2 bình diện: một là tuân thủ các quy định của pháp luật, hai là đảm bảo tính hiệu lý. Chính vì vậy trong quá trình thanh tra, phải có quan điểm đánh giá một cách khách quan, toàn diện, tránh tình trạng xơ cứng, máy móc không phù hợp với quy luật khách quan. Phải tuân theo pháp luật trong hoạt động thanh tra thể hiện: Chương trình, kế hoạch của các tổ chức thanh tra; Quyết định thanh tra, cử trưởng đoàn thanh tra, đoàn viên hoặc thanh tra viên; Thu thập số liệu, xác minh, kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý; Việc thực hiện quyền thanh tra, xét quyết định khiếu nại, tố cáo... Tất cả đều phải tuân theo pháp luật. Việc tuân theo pháp luật được bảo đảm:

+ Trong quá trình nghiên cứu tài liệu, thu thập hồ sơ chứng cứ, tiếp xúc với đối tượng thanh tra phải tuân thủ đúng quy định những thủ tục cần thiết trong phạm vi, thẩm quyền cho phép

+ Tài liệu hồ sơ chứng cứ phải chính xác, trung thực, khách quan

Điều kiện để thực hiện nguyên tắc là: Không một cơ quan, tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra.

\*) *Hoạt động thanh tra bảo đảm nguyên tắc chính xác, khách quan, trung thực, công khai và dân chủ, kịp thời*

Toàn bộ hoạt động thanh tra mang tính pháp lý và phải tuân theo pháp luật thì trước hết nó phải chính xác.

Trong quá trình thanh tra, việc sử dụng các quyền nhằm đảm bảo cho hoạt động thanh tra được thực hiện nghiêm chỉnh, đó là quyền quyết định xử lý theo thẩm quyền, quyền kiến nghị, kết luận trong thanh tra và các quyền khác như công chức hành chính.

Điều này có ý nghĩa là hoạt động thanh tra, mỗi kết luận, kiến nghị, quyết định thanh tra đều rất hệ trọng, phải làm rõ đúng sai, phản ánh tình hình một cách trung thực, đầy đủ, phân tích đúng nguyên nhân của sự việc và nhất là phải xác định đúng mức độ sai phạm, phân định rõ trách nhiệm cho tổ chức và cá nhân. Như vậy, kết luận thanh tra có liên quan đến số phận và phẩm chất của mỗi cá nhân, trách nhiệm tập thể

cơ quan, tổ chức được thanh tra. Vì thế hoạt động thanh tra trước hết đòi hỏi phải bảo đảm tính chính xác, khách quan, trung thực.

+ Tính chính xác thể hiện:

- Phải tuân theo pháp luật trong quá trình hoạt động thanh tra
- Không thể thừa nhận sự suy diễn chủ quan, thiếu chứng cứ rõ ràng.
- Bảo đảm tính pháp lý và tính khoa học trong hoạt động thanh tra

+ Tính khách quan, trung thực thể hiện:

- Xuất phát từ thực tế, căn cứ và chính sách, pháp luật luôn luôn xem xét, đánh giá sự việc, hiện tượng trong sự phát triển biện chứng với thái độ khoa học và quan điểm lịch sử;

- Trong việc thực hiện các quyền cụ thể: niêm phong tài liệu, kê biên tài sản...v.v.

- Trong kết luận và quyết định về thanh tra

Tất cả đều phải trong sáng vô tư, không mơ hồ, không suy diễn chủ quan, áp đặt, gò ép, suy đoán quy chụp.

+ Tính chính xác, khách quan là yêu cầu, đòi hỏi không thể thiếu của tính công khai, dân chủ.

Công khai, dân chủ trước hết xuất phát từ bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa V.I Lênin coi tính công khai của công tác thanh tra, kiểm tra có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Người nhận xét: sức mạnh của Nhà nước là sự giác ngộ của quần chúng, ở chỗ quần chúng biết mọi việc, có thể phán xét mọi thứ và mọi cái một cách tự giác. Khi nói về nguyên tắc của tổ chức kiểm tra xã hội chủ nghĩa, kiểm tra nhân dân, V.I Lênin đòi hỏi kiểm tra phải công khai thực hiện trước mắt mọi người, đồng đảo quần chúng lao động phải được biết kết quả kiểm tra. Vì vậy, Quyết định thanh tra phải được công bố công khai, quá trình làm việc với các đối tượng thanh tra diễn ra công khai, dân chủ, tạo điều kiện để đối tượng thanh tra giải trình, kết luận thanh tra được công bố công khai với đối tượng và những người có liên quan.

+ Việc quy định thanh tra phải kịp thời cũng là một biểu hiện của dân chủ

Tính kịp thời không chỉ đặt ra như một yêu cầu có tính phương pháp mang tính đặc thù của hoạt động thanh tra mà còn nhằm kịp thời phát hiện và ngăn ngừa, xử lý các vi phạm pháp luật.

*\*) Về nguyên tắc không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.*

Đây là nguyên tắc thể hiện mối quan tâm về bảo đảm tính pháp chế và hiệu quả của công tác thanh tra. Hoạt động thanh tra thể hiện quyền lực nhà nước và mối quan hệ với xã hội, nói một cách khác chính là mối quan hệ giữa cơ quan thanh tra với cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra, giữa cơ quan, cá nhân thực thi quyền lực nhà nước với đối tượng chịu sự quản lý. Nhìn một cách tổng quát, mục đích cuối cùng của hoạt động thanh tra là góp phần bảo đảm sự phát triển ổn định và lành mạnh. Chính vì lẽ đó mà nó không được làm cản trở hoạt động của các thành viên trong xã hội. Nội dung nguyên tắc này còn được thể hiện:

+ Chủ thể tiến hành thanh tra phải bảo đảm đúng pháp luật về trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra, đúng mục đích, nội dung, yêu cầu và thời hạn thanh tra. Ví dụ chỉ tiến hành những nội dung thanh tra ghi trong quyết định thanh tra, không được tự ý mở rộng phạm vi thanh tra hoặc kéo dài thời gian thanh tra.

- Sử dụng đúng quyền hạn trong quá trình thanh tra. Ví dụ như có việc làm chưa đến mức tạm đình chỉ hoạt động nhưng lại quyết định tạm đình chỉ.

- Không được gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu làm ảnh hưởng đến hoạt động của đối tượng thanh tra.

- Kết luận, kiến nghị phải chính xác, khách quan không vì động cơ cá nhân.

+ Đối tượng thanh tra phải chấp hành đúng pháp luật về thanh tra tạo điều kiện để chủ thể thanh tra thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

Đây thực sự là một nguyên tắc thể hiện một quan niệm mới về vai trò và mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội trong một nhà nước pháp quyền và dân chủ.

## **2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Thông tin và Truyền thông**

Đối với Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông và Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông thì nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng nhất là thanh tra các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc chấp hành pháp luật, chấp hành những quy định về chuyên môn kỹ thuật, quy tắc quản lý của ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông. Vì vậy hoạt động của Thanh tra Bộ và Thanh tra Sở chủ yếu là hoạt động thanh tra chuyên ngành.

*Hoạt động thanh tra chuyên ngành có những đặc điểm sau:*

+ **Về chủ thể:** Hoạt động thanh tra chuyên ngành là hoạt động thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước theo ngành và lĩnh vực.

Như vậy, khác với thanh tra hành chính là hoạt động được thực hiện chủ yếu bởi cơ quan quản lý theo cấp hành chính, hoạt động thanh tra chuyên ngành do cơ quan quản lý theo ngành và lĩnh vực thực hiện. Đó chủ yếu là các bộ, cơ quan ngang bộ. Tuy nhiên theo nguyên tắc ở nước ta có sự kết hợp giữa quản lý theo ngành, lĩnh vực và quản lý theo địa bàn lãnh thổ nên ở các địa phương, các Sở được xác định là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân nhưng vẫn chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ của bộ và có mối quan hệ khá chặt chẽ với bộ. Chính vì vậy, Sở cũng là cơ quan có trách nhiệm quan trọng trong việc thực hiện quản lý theo ngành và lĩnh vực, cho nên Sở cũng thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

+ **Về nội dung thanh tra chuyên ngành:** đó là việc chấp hành pháp luật, chấp hành những quy định về chuyên môn, kỹ thuật, quy tắc quản lý của ngành, lĩnh vực

Từ quy định này có thể thấy điểm khác biệt với thanh tra hành chính là ngoài việc chấp hành pháp luật, thanh tra chuyên ngành còn hướng vào đánh giá sự chấp hành các quy tắc chuyên môn kỹ thuật, quy tắc quản lý theo ngành lĩnh vực, chẳng hạn quy tắc về vệ sinh an toàn thực phẩm, quy tắc phòng chống cháy nổ.

+ **Về đối tượng thanh tra chuyên ngành:** đối tượng thanh tra chuyên ngành là mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân

Nếu như đối tượng của thanh tra hành chính cũng là cơ quan, tổ chức, cá nhân nhưng phải thuộc quyền quản lý trực tiếp còn đối tượng thanh tra chuyên ngành là bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào hoạt động trong lĩnh vực quản lý của bộ, ngành.

*Nội dung Thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông*

Theo quy định tại Điều 18 Nghị định về tổ chức và hoạt động Thanh tra Thông tin và Truyền thông nội dung hoạt động của các cơ quan thanh tra Thông tin và Truyền thông là: Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật, quy trình, quy phạm, chất lượng, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (sau đây gọi chung là quy định) trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, bao gồm:

**a) Các quy định về báo chí;**

*\* Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;*

- Luật Báo chí năm 1989

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí năm 1989.

- Nghị định 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí

- Nghị định 56/2006/NĐ-CP ngày 6/6/2006 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong hoạt động Văn hoá - Thông tin.

*\* Nội dung thanh tra hoạt động thông tin báo chí.*

- Thanh tra việc thực hiện giấy phép hoạt động báo chí.

- Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về nội dung thông tin:

- Thanh tra hoạt động quảng cáo trên báo chí:

- Thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về quyền tác giả trong hoạt động báo chí.

- Thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về cải chính trên báo chí.

- Thanh tra việc chấp hành quy định về trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của lãnh đạo cơ quan báo chí.

- Thanh tra các vấn đề khác có liên quan:

+ Chấp hành quy định về lưu chiểu báo chí.

+ Phương thức phát hành báo chí.

+ Thực hiện nhiệm vụ phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo, nhiệm vụ kinh tế, đối ngoại.

+ Hoạt động liên doanh, liên kết trong xuất bản báo chí

*\*) Quản lý thông tin điện tử*

*Văn bản quy phạm pháp luật liên quan:*

Nghị định 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 về quản lý cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và Thông tin điện tử trên Internet

*Nội dung thanh tra*

- Kiểm tra giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp (khoản 4 Điều 19 Nghị định 97/2008/NĐ-CP)

- Việc tuân thủ các quy định về nội dung thông tin đối với tất cả các trang thông tin điện tử và trang thông tin điện tử tổng hợp khi hoạt động trên môi trường mạng như: không được chống lại nhà nước CHXHCN Việt Nam, không được phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, không được tiết lộ bí mật quân sự ...v.v. (khoản 1 Điều 6 Nghị định 97/2008/NĐ-CP)

*\*) Quản lý trò chơi trực tuyến (online games)*

*Văn bản quy phạm pháp luật liên quan*

Thông tư liên tịch số 60/2006/TTLT-BVHTT-BBCVT-BCA ngày 01/6/2006 của Bộ Văn hoá Thông tin - Bộ Bưu chính Viễn thông - Bộ Công an về quản lý trò chơi trực tuyến

*Nội dung thanh tra*

- Văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông (trước đây là Bộ Văn hoá Thông tin) đồng ý về nội dung kịch bản của các trò chơi trực tuyến

- Việc tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung thông tin trong trò chơi trực tuyến

**b) Các quy định về xuất bản (bao gồm xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm);**

*\* Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan*

- Luật Xuất bản 2004

- Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật xuất bản 2004 (có hiệu lực từ 1/1/2009)

- Nghị định 111/2005/NĐ-CP ngày 26/08/2005 của chính phủ về việc Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản.

- Nghị định 105/2007/NĐ-CP ngày 21/06/2007 của chính phủ về hoạt động in các sản phẩm không phải là Xuất bản phẩm.

- Nghị định 56/2006/NĐ-CP ngày 6/6/2006 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong hoạt động Văn hoá - Thông tin.

- Thông tư số 30/2006/TT-BVHTT ngày 22/2/2006 hướng dẫn thi hành Nghị định 111/2005/NĐ-CP ngày 26/08/2005 của chính phủ về việc Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản.

- Quyết định số 38/2008/QĐ-BTTTT ngày 17/6/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế liên kết trong hoạt động xuất bản

- Quyết định số 102/2006/QĐ-BVHTT ngày 29/12/2006 ban hành quy chế lưu chiểu xuất bản phẩm

*\* Nội dung thanh tra Hoạt động xuất bản*

(1). Thanh tra giấy phép hoạt động.

- Giấy phép hoạt động của Nhà xuất bản( Điều 16 của Luật xuất bản)

- Quyết định thành lập Nhà xuất bản(do cơ quan chủ quản ra quyết định).

- Giấy đăng ký kinh doanh. (do Sở kế hoạch đầu tư cấp)
- Kiểm tra sổ đăng ký kế hoạch xuất bản.(Điều 10 Luật xuất bản)
- Quyết định xuất bản xuất bản phẩm.

(2). Thanh tra về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Tổng biên tập nhà xuất bản.(Điều 14 Luật xuất bản).

(3). Thanh tra quy trình xuất bản xuất bản phẩm:

a. Nội dung:

- Xây dựng kế hoạch xuất bản
- Tổ chức bản thảo
- Tổ chức biên tập bản thảo
- Ký duyệt bản thảo
- Thẩm định nội dung tác phẩm đối với các tác phẩm quy định tại Điều 21 Luật Xuất bản.

- Nội dung không vi phạm Điều 10 của Luật Xuất bản.

- Quảng cáo:

+ Trên sách, sách chuyên đề

+ Trên lịch bloc

+ Tài liệu không kinh doanh

- Hợp đồng bản quyền.(Điều 19 Luật xuất bản)

- Hợp đồng liên kết.(Điều 20 Luật xuất bản)

Hình thức liên kết, mục đích, phạm vi, quyền và nghĩa vụ các bên, cam kết, trách nhiệm....

(b). Hình thức trình bày:

- Bìa 1, trang tên sách, trang cuối sách và Bìa 4 (Điều 26 Luật xuất bản ).

c. Nộp xuất bản phẩm Lưu chiểu : Điều 27 Luật xuất bản

- Thời gian, số lượng nộp, dấu “ Lưu chiểu”

(4). Xuất bản trên mạng thông tin máy tính

(5). Giải quyết khiếu nại tố cáo

\* *Nội dung thanh tra Hoạt động in:*

- Kiểm tra giấy phép hoạt động.
- Giấy đăng ký kinh doanh
- Sổ đăng ký tài liệu in.
- Quyết định xuất bản của xuất bản phẩm in
- Hợp đồng in.
- Kiểm đếm số lượng nếu có dấu hiệu in thừa



- Kiểm tra bản Can
- Kiểm tra quyết định xuất bản của giám đốc nhà xuất bản (đối với xuất bản phẩm của nhà xuất bản)
- Kiểm tra giấy phép xuất bản của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản (Đối với tài liệu không kinh doanh).
- Kiểm tra giấy phép xuất bản do Bộ Văn hoá thông tin nay là Bộ Thông tin và Truyền thông cấp (Đối với xuất bản phẩm in gia công cho nước ngoài)
- \* *Nội dung thanh tra Hoạt động phát hành:*
  - Giấy đăng ký kinh doanh
  - Kiểm tra việc phát hành những xuất bản phẩm nhập khẩu không hợp pháp.
  - Kiểm tra việc phát hành xuất bản phẩm đã có quyết định đình chỉ in, cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu, tiêu hủy.
  - Kiểm tra việc bán xuất bản phẩm thuộc loại không kinh doanh.
  - Kiểm tra việc tiêu thụ, phổ biến xuất bản phẩm in gia công cho nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.
  - Kiểm tra việc nhập khẩu xuất bản phẩm không đăng ký danh mục nhập khẩu hoặc thực hiện không đúng danh mục đã đăng ký.

**c) Các quy định về quảng cáo trên báo chí, trên mạng thông tin máy tính và trên xuất bản phẩm;**

- \* *Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan*
  - Pháp lệnh Quảng cáo năm 2001
  - Nghị định số 24/2003/ NĐ-CP ngày 13/3/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo
  - Thông tư số 43/2003/TT-BVHTT ngày 16/7/2003 của Bộ Văn hoá- Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2003/ NĐ-CP.
  - Thông tư số 79/2005/TT-BVHTT ngày 08/12/2005 của Bộ Văn hoá- Thông tin sửa đổi bổ sung một số quy định của Thông tư 43/2003/TT-BVHTT.
- \* *Nội dung thanh tra về quảng cáo trên báo chí*
  - Chấp hành quy định pháp luật về thời lượng quảng cáo.
  - Chấp hành quy định pháp luật về phụ trương quảng cáo.
  - Chấp hành pháp luật về số lần quảng cáo, đợt quảng cáo đối với mỗi sản phẩm quảng cáo.
  - Chấp hành các quy định đối với sản phẩm cấm quảng cáo, hạn chế quảng cáo.
  - Thực hiện các quy định pháp luật về quảng cáo các sản phẩm liên quan đến thuốc chữa bệnh, giống cây trồng...
  - Thực hiện quy định pháp luật về quảng cáo trên bìa 1, quảng cáo xen lẫn nội dung tin bài.
  - Thực hiện quy định về dấu hiệu quảng cáo.

*\* Nội dung thanh tra về quảng cáo trên mạng thông tin máy tính*

- Việc chấp hành quy định pháp luật về việc gửi sản phẩm quảng cáo đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (Điều 19 Nghị định số 24/2003/NĐ-CP)

- Việc thực hiện các quy định của pháp luật về việc thiết lập trang tin điện tử giới thiệu về hoạt động sản xuất, kinh doanh, hàng hoá, dịch vụ (điểm 11 mục II Thông tư 43/2003/TT-BVHTT)

*\* Nội dung thanh tra về quảng cáo trên xuất bản phẩm như*

- Việc chấp hành các quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Quảng cáo

- Việc chấp hành các quy định về thời lượng quảng cáo

- Kiểm tra giấy phép phát hành chương trình đối với việc quảng cáo trong băng hình, đĩa hình; băng âm thanh, đĩa âm thanh (Thông tư 79/2005/TT-BVHTT)

**d) Các quy định về bưu chính và chuyển phát;**

*\* Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bưu chính, chuyển phát*

- Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông

- Nghị định 157/2004/NĐ-CP ngày 18/8/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về bưu chính

- Nghị định 128/2007/NĐ-CP ngày 02/8/2007 của Chính phủ về dịch vụ chuyển phát

- Quyết định số 02/2006/QĐ-BBCVT ngày 30/1/2007 của Bộ Bưu chính, Viễn thông về việc quy định mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với dịch vụ bưu chính và dịch vụ chuyển phát

- Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08/7/2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.

- Nghị định số 169/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ quy định XPVPHC trong lĩnh vực giá

- Nghị định số 06/2008/NĐ-CP ngày 16/1/2008 của Chính phủ quy định về XPVPHC trong hoạt động thương mại.

*\* Nội dung thanh tra về chuyển phát*

- Kiểm tra giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư

- Việc chấp hành quy định thông báo hoạt động kinh doanh dịch vụ chuyển phát với cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Thanh tra việc cung cấp thông tin liên quan đến dịch vụ đang cung cấp tại bưu cục, điểm phục vụ bao gồm: Quy định về hàng cấm gửi trong dịch vụ chuyển phát, tiêu chuẩn chất lượng, giá cước, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các thông tin liên quan khác.

- Việc kiểm định thiết bị đo lường về khối lượng (cân) và thiết bị tính cước

- Việc đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ chuyển phát theo đúng tiêu chuẩn chất lượng doanh nghiệp công bố

- Việc xây dựng công bố và thực hiện giá cước dịch vụ chuyển phát của doanh nghiệp
- Việc ký kết, thực hiện hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ chuyển phát
- Việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bí mật thông tin riêng trong dịch vụ chuyển phát
- Việc tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người sử dụng dịch vụ
- Việc thực hiện các quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và việc bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp đối với người sử dụng dịch vụ

**đ) Các quy định về viễn thông và internet;**

*Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan :*

- Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông
- Nghị định 160/2004/NĐ-CP ngày 03/9/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về Viễn thông.
- Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

*Nội dung thanh tra*

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về viễn thông và Internet, giá cước viễn thông và Internet, việc sử dụng kho số và tài nguyên Internet, về tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ viễn thông và Internet...

**e) Các quy định về truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện;**

*Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan*

- Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông
- Nghị định 24/2004/NĐ-CP ngày 14/1/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về Tần số vô tuyến điện.

*Nội dung thanh tra*

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về truyền dẫn phát sóng, phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, quỹ đạo vệ tinh, tương thích điện từ, cụ thể :

- Thanh tra việc thực hiện các quy định của nhà nước trong việc quản lý, khai thác, sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện :

Giấy phép tần số : giấy phép băng tần, giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện

Về hình thức : Giấy phép tần số phải do cơ quan có thẩm quyền cấp (Cục Tần số vô tuyến điện), giấy phép không bị rách, không bị tẩy xóa.

Các quy định tại giấy phép : Tên tổ chức, cá nhân được cấp, mục đích sử dụng, địa điểm đặt máy, hồ hiệu, tần số phát..

- Kiểm tra các tham số kỹ thuật của thiết bị : Đúng quy định tại giấy phép và tuân thủ các tiêu chuẩn của nhà nước Việt Nam (hoặc để xác định nguồn vi phạm, nguồn gây nhiễu có hại) : tần số sử dụng, công suất, độ chiếm dụng phổ tần, phát xạ phụ.

- Đối với thiết bị sử dụng có điều kiện (thiết bị đặt trên tàu cá, thiết bị cảnh báo điện từ..) loại không phải xin giấy phép tần số. Tổ chức, cá nhân sử dụng phải đáp ứng các điều kiện kỹ thuật, khai thác do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố

- Thanh tra các nội dung khác theo quy định của pháp luật : Nộp phí, kiểm định ...v.v.

### **g) Các quy định về công nghệ thông tin, điện tử;**

*Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan*

- Luật công nghệ thông tin năm 2006

- Luật Giao dịch điện tử năm 2005

- Nghị định 63/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin

- Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 về chống thư rác

- Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước

*Nội dung thanh tra*

- Thanh tra các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản trong lĩnh vực công nghệ thông tin,

- Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, trong thương mại

- Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về phát triển công nghệ thông tin

- Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin..v.v.

### **h) Các quy định về phát thanh và truyền hình**

*Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan*

- Luật Báo chí năm 1989

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí năm 1989.

- Pháp lệnh Quảng cáo năm 2001

- Nghị định số 24/2003/ NĐ-CP ngày 13/3/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo

- Thông tư số 79/2005/TT-BVHTT ngày 08/12/2005 của Bộ Văn hoá- Thông tin sửa đổi bổ sung một số quy định của Thông tư 43/2003/TT-BVHTT.

- Nghị định 51/2002/NĐ-CP ngày 26/4/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí

- Nghị định 56/2006/NĐ-CP ngày 6/6/2006 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong hoạt động Văn hoá - Thông tin.

- Quyết định 79/2002/QĐ-TTg ngày 18/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý việc thu các chương trình truyền hình nước ngoài

- Quyết định số 18/2002/QĐ- BVHTT ngày 29/7/2002 ban hành quy chế cấp giấy phép, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc thu chương trình truyền hình nước ngoài.

#### *Nội dung thanh tra*

- Thanh tra việc thực hiện quy hoạch quốc gia về phát thanh và truyền hình, quy hoạch truyền dẫn phát sóng, lộ trình số hoá phát thanh truyền hình

- Thanh tra giấy phép hoạt động phát thanh truyền hình

- Thanh tra việc chấp hành các quy định về quảng cáo trên phát thanh truyền hình

- Thanh tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn về công nghệ, kỹ thuật, giá, cước các dịch vụ phát thanh truyền hình...v.v

#### **i) Các quy định về cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia**

##### *Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan*

- Luật Công nghệ thông tin

- Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông

- Nghị định 160/2004/NĐ-CP ngày 03/9/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về Viễn thông.

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước

##### *Nội dung thanh tra*

Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ an toàn, an ninh cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông, về xây dựng hạ tầng, kế hoạch quy hoạch phát triển hạ tầng thông tin truyền thông quốc gia...v.v.

k) Các quy định về quyền tác giả, bản quyền và sở hữu trí tuệ đối với các lĩnh vực do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý bao gồm: **quyền tác giả đối với sản phẩm báo chí, xuất bản, bản quyền phần mềm máy tính, bản quyền về sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông; quyền sở hữu trí tuệ các phát minh, sáng chế thuộc các ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ.**

##### *Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan*

- Các VBQPPL đã nêu ở lĩnh vực báo chí, xuất bản

- Bộ Luật dân sự,

- Luật sở hữu trí tuệ

##### *Nội dung thanh tra*

(1). Thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về quyền tác giả trong hoạt động báo chí.

- Sử dụng tin bài từ các cơ quan báo chí khác.
- Dịch từ báo chí nước ngoài.
- Thu từ vệ tinh, từ các đài khác và phát lại.
- Lấy từ các nguồn trôi nổi trên thị trường phát trên mạng truyền hình...

**(2) Thanh tra bản quyền về sản phẩm dịch vụ công nghệ thông tin**

Sản phẩm công nghệ thông tin, bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm và nội dung thông tin số (khoản 9 Điều 4 Luật Công nghệ thông tin)

Phần mềm là chương trình máy tính được mô tả bằng hệ thống ký hiệu, mã hoặc ngôn ngữ để điều khiển thiết bị số thực hiện chức năng nhất định (khoản 12 Điều 4 Luật Công nghệ thông tin)

**l) Các quy định về dịch vụ công của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông**

Về lĩnh vực này, được quy định rải rác ở các văn bản quy phạm pháp luật trong tất cả các lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, tần số vô tuyến điện, báo chí...Đó là các dịch vụ cấp phép, đăng ký tên miền, đo kiểm, kiểm định, việc đảm bảo an toàn an ninh cho các mạng...v.v.

**m) Các quy định khác của pháp luật theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông.**

**III. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước và mối quan hệ phối hợp trong hoạt động thanh tra Thông tin và Truyền thông**

**1. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước**

Theo Điều 21 Nghị định về tổ chức và hoạt động Thanh tra Thông tin và Truyền thông quy định :

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Thanh tra Thông tin và Truyền thông trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; kiện toàn tổ chức, bộ máy của Thanh tra Bộ; đảm bảo trang bị cơ sở vật chất, trang phục và các điều kiện phục vụ hoạt động thanh tra.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo kiện toàn tổ chức, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, trang phục cho Thanh tra Sở.

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức thực hiện và đảm bảo điều kiện hoạt động cho Thanh tra Sở.

**2. Mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan thanh tra TT&TT với cơ quan, tổ chức hữu quan**

Nhằm tạo mối quan hệ đồng bộ trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, cơ quan thanh tra Thông tin và Truyền thông trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình cùng với các cơ quan khác như: Công an, quốc phòng, Thanh tra Bộ, ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan cần phối hợp, chặt chẽ để nhanh chóng phát hiện, xử lý kịp thời nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật nhằm giữ gìn trật tự kỷ cương, bảo

đảm hiệu quả công tác quản lý, đấu tranh phòng chống vi phạm. Vì vậy khoản 4 Điều 22 Nghị định về tổ chức và hoạt động Thanh tra Thông tin và Truyền thông quy định:

Thanh tra Thông tin và Truyền thông trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan công an, quốc phòng, Thanh tra Bộ, ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý mọi hành vi vi phạm pháp luật.

### **3. Mối quan hệ giữa Thanh tra Bộ với Thanh tra Sở**

#### *3.1. Thanh tra Bộ đối với Thanh tra Sở*

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Thanh tra Sở xây dựng kế hoạch công tác thanh tra chuyên ngành năm sau của Sở trình Giám đốc Sở ký quyết định ban hành trước ngày 25/12 của năm báo cáo; điều phối chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm của Thanh tra Sở, đảm bảo không đề thanh tra chồng chéo hoặc bỏ lọt về nội dung và đối tượng thanh tra.

b) Chỉ đạo Thanh tra Sở giải quyết các vụ việc đột xuất liên quan đến thông tin và truyền thông theo yêu cầu của Lãnh đạo Bộ.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông cho Thanh tra Sở.

d) Yêu cầu tổ chức các cuộc thanh tra chuyên ngành đột xuất.

đ) Yêu cầu thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

e) Yêu cầu cử cán bộ công chức, Thanh tra viên tham gia các Đoàn thanh tra do Thanh tra Bộ tổ chức.

#### *3.2. Thanh tra Sở đối với Thanh tra Bộ*

a) Thực hiện sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông của Thanh tra Bộ.

b) Đề xuất lãnh đạo Sở cử cán bộ công chức, Thanh tra viên tham gia các Đoàn thanh tra của Thanh tra Bộ khi được yêu cầu.

c) Phối hợp với Thanh tra Bộ trong việc theo dõi, đôn đốc thi hành hoặc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý của Sở.

d) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất công tác thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý của Sở.

### **4. Mối quan hệ giữa Thanh tra Cục với Thanh tra Sở**

#### *4.1. Thanh tra Cục đối với Thanh tra Sở*

a) Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành do Cục quản lý cho Thanh tra Sở theo chỉ đạo của Thanh tra Bộ.

b) Chủ trì tổ chức thực hiện các cuộc thanh tra chuyên ngành do Cục quản lý. Trước khi tiến hành thanh tra 05 ngày (trừ trường hợp thanh tra đột xuất) phải có văn bản thông báo những nội dung thanh tra cho Sở Thông tin và Truyền thông liên quan biết để theo dõi hoặc phối hợp khi cần thiết.

c) Phối hợp, hỗ trợ phương tiện kỹ thuật chuyên ngành thông tin và truyền thông đối với các cuộc thanh tra do Thanh tra Sở chủ trì khi được yêu cầu.

d) Cử Thanh tra viên tham gia các cuộc thanh tra do Thanh tra Sở chủ trì khi được yêu cầu.

đ) Khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì gửi các quyết định đó cho Sở Thông tin và Truyền thông liên quan biết để phối hợp theo dõi, đôn đốc việc chấp hành quyết định xử phạt.

#### *4.2. Thanh tra Sở đối với Thanh tra Cục*

a) Chủ trì tổ chức thực hiện các cuộc thanh tra trên địa bàn quản lý của Sở (trừ các cuộc thanh tra thuộc lĩnh vực chuyên ngành của các Cục). Trường hợp các cuộc thanh tra có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành của các Cục phải thông báo cho Thanh tra Cục biết để theo dõi và phối hợp thực hiện khi cần thiết.

b) Cử Thanh tra viên tham gia các cuộc thanh tra do Thanh tra Cục chủ trì khi được yêu cầu.

c) Khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hành vi vi phạm liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành của các Cục thì gửi các quyết định xử phạt đó cho Thanh tra Cục biết và phối hợp xử lý khi cần thiết.

d) Phối hợp với Thanh tra Cục trong việc cưỡng chế quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

### **VI. Trang phục Thanh tra Thông tin và Truyền thông, trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra**

#### **1. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan**

Căn cứ Nghị định số 100/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra;

Căn cứ Quyết định số 170/2006/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 150/2007/TTLT-BTC-TTCP ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục của thanh tra viên, cán bộ thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước;

#### **2. Trang phục**

##### *2.1. Danh mục:*

Trang phục Thanh tra Thông tin và Truyền thông gồm: quần áo thu đông, áo măng tô, quần áo xuân hè, áo sơ mi dài tay, thắt lưng da, giày da, dép quai hậu, bút tất, ca ra vát, áo mưa, cặp tài liệu.

Đối với các tỉnh phía Nam, tùy điều kiện thời tiết cụ thể, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, Chánh Thanh tra Sở trình Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định việc chuyển đổi trang phục áo măng tô thành quần áo xuân hè cho phù hợp.

##### *2.2. Thời hạn sử dụng:*



TT	Danh mục	Số lượng/ người	Thời hạn sử dụng
1	Quần áo thu đông	01 bộ	2 năm (lần đầu cấp 2 bộ)
2	Áo măng - tô	01 cái	4 năm
3	Quần áo xuân hè	01 bộ	1 năm (lần đầu cấp 2 bộ)
4	Áo sơ mi dài tay	01 cái	1 năm (lần đầu cấp 2 cái)
5	Thắt lưng da	01 cái	2 năm
6	Giày da	01 đôi	2 năm
7	Đép quai hậu	01 đôi	1 năm
8	Bít tất	02 đôi	1 năm
9	Ca - ra - vát	02 cái	4 năm
10	Áo mưa	01 cái	1 năm
11	Cặp đựng tài liệu có khoá số	01 cái	2 năm

### 2.3. Màu sắc, chất liệu và quy cách:

Quần âu, áo vest bằng vải tuyết - xi - len màu chì sẫm, áo măng - tô vải dạ cùng màu chì sẫm. Áo sơ mi bằng vải cô - tôn pha sợi tổng hợp màu trắng.

a) Quần áo thu - đông nam: áo vest 3 khuy, xẻ tà đằng sau, 1 túi coi ở ngực bên trái, 2 túi coi có nắp ở hai bên, kiểu thông dụng. Quần âu 1 ly, 2 túi chéo hai bên, 1 túi coi ở thân quần phải sau.

b) Quần áo thu - đông nữ: áo vest 3 khuy, 2 túi coi có nắp ở hai bên, kiểu thông dụng. Quần âu, 2 túi hàm ếch thân quần trước.

c) Áo măng - tô nam: hai hàng khuy mỗi hàng 3 chiếc, 2 túi thẳng hai bên.

d) Áo măng - tô nữ: hai hàng khuy mỗi hàng 3 chiếc, 2 túi chéo hai bên.

e) Quần áo xuân - hè nam: áo sơ mi cộc tay, 1 túi ngực, kiểu thông dụng. Quần âu 1 ly, 2 túi chéo hai bên, 1 túi coi ở thân quần phải sau.

f) Quần áo xuân - hè nữ: áo sơ mi cộc tay, kiểu thông dụng. Quần âu, 2 túi hàm ếch ở thân quần trước.

g) Áo sơ mi dài tay nam: áo sơ mi dài tay, 1 túi ngực, kiểu thông dụng.

h) Áo sơ mi dài tay nữ: áo sơ mi dài tay, kiểu thông dụng.

i) Ca - ra - vát màu sẫm; thắt lưng da màu đen hoặc nâu; giày da đen hoặc nâu thấp cổ buộc dây; dép quai hậu màu đen hoặc nâu; tất chân màu sẫm.

### 3. Trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra

Ngoài những phương tiện làm việc trang bị cho cán bộ, công chức theo quy định, tùy thuộc nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan thanh tra nhà nước của cơ quan, đơn vị, Thanh tra Thông tin và Truyền thông còn được cấp trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra, bao gồm:

1. Máy tính xách tay;
2. Máy in xách tay;
3. Máy quét hình;
4. Máy ảnh kỹ thuật số;
5. Máy quay Vi-đê-ô;

6. Máy ghi âm;

7. Các trang thiết bị chuyên ngành cần thiết khác.

#### **4. Chế độ sử dụng trang phục và trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra**

Việc cấp phát, sử dụng trang phục thực hiện theo quy định tại mục II khoản 3 của Thông tư liên tịch số 150/TTLT-BTC-TTCT ngày 14/12/2007 của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục của thanh tra viên, cán bộ thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước.

Việc giao sử dụng, giữ gìn, bảo quản trang thiết bị được giao thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 170/2006/QĐ-TTg ngày 18/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

#### **5. Nguồn kinh phí, quy trình lập dự toán kinh phí, việc quản lý và quyết toán kinh phí may sắm trang phục, trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra**

*5.1. Nguồn kinh phí may sắm trang phục, trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra gồm:*

- Do ngân sách nhà nước cấp;
- Nguồn trích bổ sung từ các khoản thu hồi phát hiện qua thanh tra đã thực thu hồi nộp ngân sách nhà nước;
- Nguồn thu từ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định (nếu có);
- Các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

*5.2. Quy trình lập dự toán kinh phí đối với từng cơ quan, đơn vị như sau:*

a) Đối với Thanh tra Bộ:

Căn cứ danh mục quy định tại Điều 2, Điều 3 của Quy định này, căn cứ số lượng cán bộ, thanh tra viên của Thanh tra Bộ, căn cứ giá thị trường thời điểm lập dự toán, Thanh tra Bộ lập dự toán kinh phí trang phục, trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của Thanh tra Bộ trình cấp có thẩm quyền xét duyệt theo quy định của pháp luật.

b) Đối với Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện, Thanh tra Cục Quản lý Chất lượng Công nghệ thông tin và truyền thông, thanh tra viên của đơn vị không có tổ chức thanh tra:

Căn cứ danh mục theo quy định tại Điều 2, Điều 3 của quy định này, căn cứ số lượng cán bộ, thanh tra viên của Cục, đơn vị, căn cứ giá thị trường thời điểm lập dự toán để lập dự toán kinh phí trang phục, trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của Cục, đơn vị trình cấp có thẩm quyền xét duyệt theo quy định của pháp luật.

c) Đối với Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông:

Căn cứ danh mục theo quy định tại Điều 2, Điều 3 của quy định này, căn cứ số lượng cán bộ, thanh tra viên của Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông địa phương mình, căn cứ giá thị trường thời điểm lập dự toán để lập dự toán kinh phí trang phục, trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Thông tin và Truyền thông trình cấp có thẩm quyền xét duyệt theo quy định của pháp luật.

### 5.3. Việc quản lý và quyết toán kinh phí may sắm trang phục, trang thiết bị phục vụ hoạt động thanh tra

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

#### **C. Một số khái niệm cơ bản về nghiệp vụ thanh tra**

Để có thêm tài liệu tham khảo về công tác chỉ đạo nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Thông tin và Truyền thông, chuyên đề xin trình bày một số khái niệm cơ bản của nghiệp vụ thanh tra để cán bộ thanh tra Thông tin và Truyền thông cùng tham khảo.

Theo Từ điển Tiếng Việt thì “nghiệp vụ” được hiểu là: “công việc chuyên môn của một nghề”. Từ đó, có thể hiểu “nghiệp vụ thanh tra” là “công việc chuyên môn của nghề thanh tra”.

Từ khái niệm “nghiệp vụ thanh tra” đưa ra ở trên, chúng ta có thể hiểu “nghiệp vụ Thanh tra Thông tin và Truyền thông” là “công việc chuyên môn của nghề Thanh tra Thông tin và Truyền thông”, hay nói cách khác “nghiệp vụ Thanh tra Thông tin và Truyền thông” là khả năng, kiến thức, mức độ thành thạo xử lý tình huống trong hoạt động Thanh tra Thông tin và Truyền thông và những hiểu biết về các lĩnh vực chuyên môn do ngành Thông tin và Truyền thông quản lý.

#### **1. Phân biệt giữa thanh tra và kiểm tra:**

Theo Từ điển Tiếng Việt thì “kiểm tra là xem xét tình hình thực tế để đánh giá, nhận xét”. Có thể nói giữa hoạt động thanh tra và kiểm tra có mối quan hệ chặt chẽ, gần gũi và có nhiều điểm giao thoa nhau. Bởi vì kiểm tra và thanh tra đều là những công cụ quan trọng, một chức năng chung của quản lý nhà nước, là hoạt động mang tính chất phản hồi của “chu trình quản lý”. Qua kiểm tra, thanh tra, các cơ quan quản lý nhà nước có thể phân tích đánh giá theo dõi quá trình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ quản lý đề ra. Đây là mối quan hệ đan chéo nhau. Nếu hiểu theo nghĩa rộng thì thanh tra là một loại hình đặc biệt của kiểm tra, ngược lại nếu hiểu theo nghĩa hẹp, thanh tra lại bao hàm cả kiểm tra. Các hoạt động thao tác nghiệp vụ trong một cuộc thanh tra như việc kiểm tra sổ sách, tài liệu của đối tượng thanh tra; so sánh đối chiếu, đánh giá tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình thanh tra...đó là kiểm tra. Chính vì vậy trong thực tiễn, nhiều người trong đó có cả một số doanh nghiệp thường hay nhầm lẫn, đồng nhất kiểm tra với thanh tra. Tuy nhiên với tư cách là một hoạt động độc lập, kiểm tra có nhiều điểm khác biệt với thanh tra:

*Một là về chủ thể tiến hành:* Giữa kiểm tra và thanh tra có một mảng giao thoa về chủ thể, đó là Nhà nước. Nhà nước tiến hành cả hoạt động thanh tra và kiểm tra. Tuy nhiên, chủ thể của kiểm tra rộng hơn của thanh tra rất nhiều. *Trong khi chủ thể tiến hành thanh tra phải là Nhà nước, thì chủ thể tiến hành kiểm tra có thể là Nhà nước hoặc có thể là chủ thể phi nhà nước*, chẳng hạn như hoạt động kiểm tra của một tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội (Đảng, Công đoàn, Mặt trận, Đoàn thanh niên...), hay như hoạt động kiểm tra trong nội bộ một doanh nghiệp.

*Hai là về mục đích thực hiện:* Mục đích của thanh tra bao giờ cũng rộng hơn, sâu hơn đối với các hoạt động kiểm tra. Đặc biệt, đối với các cuộc thanh tra để giải quyết khiếu nại, tố cáo thì sự khác biệt về mục đích, ý nghĩa giữa hoạt động thanh tra và kiểm tra càng rõ hơn nhiều, bởi: thông thường khiếu nại, tố cáo phản ánh sự bức xúc, bất bình của nhân dân trước những việc mà nhân dân cho là quyền và lợi ích hợp

pháp của mình bị vi phạm cho nên mục đích của hoạt động thanh tra không còn chỉ là xem xét, đánh giá một cách bình thường nữa.

*Ba là về phương pháp tiến hành:* Với mục đích rõ ràng hơn, rộng hơn, khi tiến hành thanh tra, Đoàn thanh tra cũng áp dụng những biện pháp nghiệp vụ sâu hơn, đi vào thực chất đến tận cùng của vấn đề như: xác minh, thu thập chứng cứ, đối thoại, chất vấn, giám định... Đặc biệt, quá trình thanh tra các Đoàn thanh tra còn có thể áp dụng những biện pháp cần thiết để phục vụ thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra để tác động lên đối tượng bị quản lý.

*Bốn là về trình độ nghiệp vụ:* Hoạt động thanh tra đòi hỏi thanh tra viên phải có nghiệp vụ giỏi, am hiểu về kinh tế - xã hội, có khả năng chuyên sâu vào lĩnh vực thanh tra hướng đến. Do nội dung hoạt động kiểm tra ít phức tạp hơn thanh tra và chủ thể của kiểm tra bao gồm lực lượng rộng lớn có tính quần chúng phổ biến nên nói chung, trình độ nghiệp vụ kiểm tra không nhất thiết đòi hỏi như nghiệp vụ thanh tra.

*Năm là về phạm vi hoạt động:* Phạm vi hoạt động kiểm tra thường theo bề rộng, diễn ra liên tục, ở khắp nơi với nhiều hình thức phong phú, mang tính quần chúng. Phạm vi hoạt động thanh tra thường hẹp hơn hoạt động kiểm tra

*Sáu là về thời gian tiến hành:* Trong hoạt động thanh tra thường có nhiều vấn đề phải xác minh, đối chiếu rất công phu, nhiều mối quan hệ cần được làm rõ, cho nên phải sử dụng thời gian nhiều hơn so với kiểm tra.

Thanh tra và kiểm tra tuy có sự phân biệt nhưng chỉ là tương đối. Khi tiến hành cuộc thanh tra, thường phải tiến hành nhiều thao tác nghiệp vụ đó thực chất là kiểm tra. Ngược lại, đôi khi tiến hành kiểm tra để làm rõ vụ việc, lại lựa chọn được nội dung thanh tra. Kiểm tra và thanh tra là hai khái niệm khác nhau nhưng có liên hệ qua lại, gắn bó. Do vậy, khi nói đến một khái niệm người ta thường nhắc đến cả cặp với tên gọi là thanh tra, kiểm tra hay kiểm tra, thanh tra.

## **2. Phân biệt giữa thanh tra với điều tra:**

Điều tra hiểu theo nghĩa rộng nhất bao gồm: điều tra xã hội học, điều tra dân số, điều tra về kinh tế... Tuy nhiên, với mục đích tránh hình sự hoá công tác thanh tra, ở đây chỉ so sánh thanh tra với điều tra hình sự. Với ý nghĩa này, điều tra là hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền nhằm thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm. Như vậy, có thể nói giữa thanh tra và điều tra hình sự có sự khác nhau về chủ thể, mục đích, đối tượng và phương pháp tiến hành như sau:

*Một là về chủ thể tiến hành:* Theo quy định của Luật Thanh tra, chủ thể tiến hành thanh tra là các tổ chức thanh tra và chủ yếu là Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên.

*Hai là về mục đích tiến hành:* Trong khi mục đích của điều tra hình sự là chứng minh tội phạm thì mục đích của thanh tra là những nội dung đã được quy định tại Điều 3 Luật thanh tra là:

- Phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật;
- Phát hiện những sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp khắc phục;

- Phát huy nhân tố tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

*Ba là về phương pháp tiến hành:* Quá trình điều tra, cơ quan điều tra áp dụng tổng hợp các biện pháp do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định như: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, bắt, khám xét, thu giữ, tạm giữ vật chứng, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, hỏi cung bị can, trưng cầu giám định, nhận dạng, đối chất, thực nghiệm điều tra... Trong khi đó các phương pháp tiến hành thanh tra lại do Luật thanh tra và các văn bản pháp luật có liên quan khác quy định như đối thoại, xử phạt vi phạm hành chính, tạm đình chỉ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền tạm đình chỉ việc làm khi xét thấy việc làm đó gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân...

### **3. Phân biệt giữa thanh tra và giám sát:**

Trong Từ điển Tiếng Việt, “giám sát” được hiểu là “theo dõi và kiểm tra xem có thực hiện đúng những điều đã quy định không”.

Như vậy, có thể nói: ở mức độ ý nghĩa chung nhất, giám sát và thanh tra đều được tiến hành trên cơ sở các quyền và nghĩa vụ của chủ thể được thanh tra, giám sát và đối tượng chịu sự thanh tra, giám sát. Tuy nhiên, chúng vẫn có điểm khác nhau cơ bản là: trong khi thanh tra luôn luôn gắn liền với quản lý nhà nước, mang tính quyền lực nhà nước thì giám sát có thể mang tính quyền lực nhà nước hoặc không mang tính quyền lực nhà nước.

+ Giám sát mang tính quyền lực nhà nước được tiến hành bởi chủ thể là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với một hay một số hệ thống cơ quan nhà nước khác, chẳng hạn như: hoạt động giám sát của Quốc hội đối với Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao; hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân đối với các cơ quan nhà nước ở địa phương.

+ Giám sát không mang tính quyền lực nhà nước: Là loại hình giám sát được tiến hành bởi các chủ thể phi Nhà nước như hoạt động giám sát của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của mặt trận đối với bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước; hay đơn giản chỉ là giám sát thi công một công trình.

### **D. Quy chế lập, quản lý hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo**

Trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo có ý nghĩa rất quan trọng. Đó là những căn cứ, chứng cứ để đưa ra kết luận thanh tra, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đồng thời đó cũng là sự thể hiện kết quả của quá trình thanh tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo. Chính vì vậy, ngày 24/10/2007, Tổng Thanh tra đã có Quyết định số 2278/2007/QĐ-TTCT ban hành Quy chế lập, quản lý hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo./.

## CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Hoạt động thanh tra phải tuân theo nguyên tắc nào?

- a) Phải tuân theo pháp luật
- b) Chính xác, khách quan, trung thực, công khai và dân chủ, kịp thời
- c) Không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân của đối tượng thanh tra
- d) Cả 3 phương án trên

**Câu 2.** Hành vi nào bị nghiêm cấm trong hoạt động của Đoàn Thanh tra

- a) Thanh tra vượt quá phạm vi, nội dung ghi trong quyết định thanh tra
- b) Sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đối tượng thanh tra
- c) Tiết lộ thông tin, tài liệu về nội dung thanh tra trong quá trình thanh tra khi chưa có kết luận chính thức
- d) Cả 3 phương án trên

**Câu 3.** Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành là Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông (không phải là thanh tra viên) trong quá trình thanh tra không có thẩm quyền nào dưới đây?

- a) Yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp thông tin tài liệu những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra
- b) Yêu cầu đối tượng thanh tra xuất trình giấy phép, đăng ký kinh doanh
- c) Lập biên bản về việc vi phạm của đối tượng thanh tra
- d) Xử phạt vi phạm hành chính

**Câu 4.** Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông không có thẩm quyền thanh tra nội dung nào đối với các cơ quan báo chí ở địa phương thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở.

- a) Công tác quản lý tài chính báo chí
- b) Hoạt động quảng cáo trên báo chí
- c) Quyền tác giả trong hoạt động báo chí
- d) Trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của lãnh đạo cơ quan báo chí

**Câu 5.** Việc tiếp nhận hồ sơ thẩm định và phê duyệt nội dung kịch bản của các trò chơi trực tuyến thuộc thẩm quyền của Bộ nào ?

- a) Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
- b) Bộ Thông tin và Truyền thông
- c) Bộ Công an
- d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

**Câu 6.** Bản quyền phần mềm máy tính thuộc thẩm quyền thanh tra, kiểm tra của cơ quan nào?

- a) Thanh tra Thông tin và Truyền thông
- b) Thanh tra Văn hoá, Thể thao và Du lịch
- c) Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- d) Thanh tra Khoa học và Công nghệ

**Câu 7.** Cơ quan nào có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư trong phạm vi nội tỉnh

- a) Sở Thông tin và Truyền thông
- b) Sở Kế hoạch và Đầu tư
- c) Sở Tài chính
- d) Sở Công thương

**Câu 8.** Chánh Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông có quyền phạt tiền đến mức tối đa là bao nhiêu ?

- a) 20.000.000 đồng
- b) 30.000.000 đồng
- c) 40.000.000 đồng
- d) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực thuộc quyền quản lý

**Câu 9.** Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông có quyền phạt tiền đến mức tối đa là bao nhiêu?

- a) 30.000.000 đồng
- b) 40.000.000 đồng
- c) 70.000.000 đồng
- d) Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực thuộc quyền quản lý